TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 22/2023/HNGĐ - ST Ngày 08-8-2023 V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Dệt

2. Ông Lê Đức Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2023/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST - HNGĐ ngày 20/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Ô, xã Y, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Ô, xã Y, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị L và anh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 13/3/2023, bản tự khai ngày 31/3/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B nay là Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22 tháng 01 năm 2013. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc

đến tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do: Vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không hòa hợp về tính cách, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh H không quan tâm đến gia đình, thường xuyên rượu chè, cờ bạc. Chị khuyên bảo nhưng anh H không thay đổi, sửa chữa và còn ghen tuông, không tôn trọng và xúc phạm chị. Tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Đến tháng 3/2022 chị đã về nhà ngoại ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Hiện nay chị không có thai nghén. Nay chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên chị xin được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn Hữu Nam D, sinh ngày 13/9/2016 và Nguyễn Hữu Nam K, sinh ngày 17/01/2019. Hiện nay 2 con đang ở với anh H. Khi ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Nam K còn anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Nam D. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Nhưng anh H xin được trực tiếp nuôi cả 2 con thì chị cũng đồng ý, chị cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000đ/tháng (2 con là 2.000.000đ/tháng).

- Về tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L trình bày mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần, chị đã cho anh H nhiều cơ hội nhưng vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, không thể tiếp tục hôn nhân với anh H được nữa nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Về con chung: Hiện nay chị làm công nhân, thu nhập trung bình mỗi tháng từ 5.000.000đ đến 7.000.000đ, chị đang ở cùng với bố mẹ đẻ. Chị L cam đoan có đủ điều kiện nuôi con nên chị có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Nam K còn anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Nam D. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 18/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:* Về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị L. Sau khi cưới vợ chồng chung sống đến tháng 6 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh thừa nhận có chơi bời, rượu chè và trong thời gian đó do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 anh không đi làm được nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về kinh tế gia đình và cãi nhau. Vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến tháng 3 năm 2023 chị L đã về nhà ngoại ở. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị L xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh xin được đoàn tụ.

- Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Nguyễn Hữu Nam D, sinh ngày 13/9/2016 và Nguyễn Hữu Nam K, sinh ngày 17/01/2019. Hiện nay 2 con đang ở với anh và ông bà nội. Anh làm nghề xưởng gỗ thu nhập mỗi tháng là 12.000.000đ và có sự hỗ trợ của ông bà nội. Nếu vợ chồng ly hôn anh cam đoan có đủ điều kiện nuôi 2 con nên anh xin được nuôi 2 con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Anh H có nguyện vọng xin được đoàn tụ. Trường hợp chị L cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về con chung: Hiện nay vợ chồng anh chưa có nhà riêng, anh và 2 con đang ở với ông bà nội. Anh làm nghề xưởng gỗ, thu nhập trung bình là 15.000.000/tháng. Nếu vợ chồng ly hôn anh xin được nuôi 2 con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự; việc thực hiện các thủ tục tố tụng như xác minh thu thập chứng cứ, ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

+ Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đầy đủ các quy định của BLTTDS.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa lần thứ nhất anh H vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa lần thứ hai đến phần tranh luận tại phiên tòa anh H mới có mặt.

- Về nội dung:

+ Chị L và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B nay là Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/01/2013, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; cho chị L được ly hôn anh H.

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Nam K, sinh ngày 17/01/2019, anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Nam D, sinh ngày 13/9/2016. Chị L và anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại thôn Ô, xã Y, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên chị Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

- Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn H dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân là do mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên xảy ra cãi nhau. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và sống ly thân. Tại phiên tòa chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên vẫn giữ quan điểm ly hôn. Về phía anh H không đồng ý ly hôn, xin được đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không khắc phục được, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn anh H là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

- Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là Nguyễn Hữu Nam D, sinh ngày 13/9/2016 và Nguyễn Hữu Nam K, sinh ngày 17/01/2019. Hiện nay 2 con đang ở với anh H và ông bà nội. Khi ly hôn chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Nam K còn anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu

Nguyễn Hữu Nam D. Về phía anh H xin được nuôi cả 2 con. Chị L và anh H đều có nghề nghiệp và thu nhập, đảm bảo điều kiện nuôi con. Xét thấy nguyện vọng xin nuôi con của anh chị là chính đáng, tuy nhiên việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con phát triển và học tập. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Nam K còn anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu Nam D là phù hợp. Về vấn đề cấp dưỡng, chị L và anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản và nợ chung: Chị L và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị L khởi kiện vụ án xin ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu Nam K, sinh ngày 17/01/2019 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Hữu Nam D, sinh ngày 13/9/2016 cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L và anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2021/0007243 ngày 24/3/2023. Chấp nhận chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị L và anh H. Chị L và anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Hện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Nông Cống;
- UBND xã Y;
- Lưu hs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà